TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2023/DS-ST.
Ngày: 13/11/2023.
V/v: "T/c hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Phạm Thành Nguyên** – Thư ký TAD huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Ông **Bùi Đức Mậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: "*TrAh chấp hợp đồng mua bán tài sản".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-DS ngày 16/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2023/QĐST-DS ngày 31/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doAh Lê ThAh S.**

Người đại diện hộ kinh doAh: Ông Lê ThAh S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã S Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Trường G**, sinh năm 1945 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1950 (vợ ông S).

Cùng địa chỉ: ấp Mương Kinh, xã S Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

** Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Trường G*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950, Ah Vũ Trường S, sinh năm 1984, Ah Vũ Thạch L, sinh năm 1985, chị Vũ Thị Huy Hà, sinh năm 1988, Ah Vũ Phú A, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp Mương Kinh, xã S Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

(Ông S có mặt, bà D, Ah S, Ah L, chị Hvà Ah A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Lê ThAh S trình bày như sau:*

Trước đây do chỗ quen biết nên ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D có đến hộ kinh doAh Lê ThAh S do tôi làm chủ để mua thiếu các mặt hàng vật tư nông nghiệp về để sản xuất nông nghiệp. Đến ngày 09/9/2019 tôi với ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D tổng kết nợ thì ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D còn nợ của tôi tiền mua vật tư nông nghiệp tổng số tiền gốc là 215.740.000 đồng và lãi tính đến cùng thời điểm là 52.260.000 đồng. Sau khi chốt nợ tôi và ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D có giấy nhận nợ cùng ngày có chữ ký xác nhận nợ của ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng.

Sau khi chốt nợ ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D cam kết trả nợ cho tôi khi có nhu cầu. Sau khi kết nợ tôi có đến nHông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D đòi nợ nhiều lần nhưng ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D chỉ thAh toán cho tôi được số tiền là 70.000.000 đồng, còn số tiền gốc 198.000.000 đồng còn lại thì ông G và bà D cứ hứa hẹn không thAh toán cho tôi. Hiện nay ông Vũ Trường G đã chết.

Tại phiên tòa hôm nay, phía ông Lê ThAh S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông S chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho hộ kinh doAh Lê ThAh S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 198.000.000 đồng. Ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi.

** Tại bản tự khai đề ngày 08/7/2022 ông Vũ Trường G trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận là có mua phân bón của đại lý ThAh S, số tiền gốc là 215.740.000 đồng, đối với số nợ này thì tôi xin trả tiền vốn, còn số lãi thì đề nghị ông

G không tính lãi nữa. Đối với số nợ này tôi xin trả mỗi mùa là 20.000.000 đồng trả đến khi nào hết số nợ này.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/10/2023 thì bà Nguyễn Thị D trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị D là vợ của ông Vũ Trường G, quá trình chung sống giữa bà với ông G có 04 người con tên là Vũ Trường S, sinh năm 1984, Vũ Thạch L, sinh năm 1985, Vũ Thị Huy Hà, sinh năm 1988, Vũ Phú A, sinh năm 1990. Hiện ông G đã chết vào năm 2022.

Bà D thừa nhận là vợ chồng bà có mua thiếu phân bón của đại lý ThAh S do ông Lê ThAh S làm chủ. Đến ngày 09/09/2019 vợ chồng bà có làm giấy cam kết trả nợ số tiền còn nợ của ông S. Theo giấy cam kết này thì tính đến tháng 8 năm 2019 thì vợ chồng bà còn nợ của ông S số tiền là 268.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả cho ông S được số tiền là 70.000.000 đồng như sau: ngày 09/9/2019 đã trả cho ông S số tiền là 10.000.000 đồng, ngày 14/10/2019 trả cho ông S số tiền 10.000.000 đồng, ngày 04/11/2019 trả cho ông S số tiền 10.000.000 đồng, ngày 09/12/2019 trả cho ông S số tiền 10.000.000 đồng, ngày 25/12/2019 trả cho ông S số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20/3/2020 trả cho ông S số tiền 5.0000.000 đồng và ngày 13/10/2020 trả cho ông S số tiền là 20.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng bà chỉ còn nợ lại ông S số tiền là 198.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ này bà và các con đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 198.000.000 đồng cho ông S, đối với số tiền lãi thì gia đình đề nghị phía ông G được miễn, không tính nữa. Số tiền 198.000.000 đồng còn nợ của ông S thì gia đình xin được trả dần, hàng tháng có bao nhiêu tiền thì trả bấy nhiêu cho ông S cho đến khi hết số nợ này vì hoàn cảnh gia đình bà hiện rất khó khăn.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quA điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải trả cho hộ kinh doAh Lê ThAh S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 198.000.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê ThAh S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho hộ kinh doAh Lê ThAh S số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là 198.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G. Xét thấy đây là trAh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; Ah Vũ Trường S, Ah Vũ Thạch L, chị Vũ Thị Huy Hvà Ah Vũ Phú A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây ông Vũ Trường G và bà Nguyễn Thị D có đến hộ kinh doAh Lê ThAh S do ông Lê ThAh S làm chủ để mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu theo hình thức gối đầu để về sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Đến ngày 09/09/2019 hai bên có làm giấy cam kết trả nợ và chốt số tiền nợ gốc và tiền lãi, theo đó phía ông G và bà D còn nợ phía ông S số tiền gốc là 215.740.000 đồng, lãi suất tính từ tháng 04/2018 đến tháng 8/2019, lãi suất 1,5%/ tháng, tiền lãi là

52.260.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 268.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 08/7/2022 ông Vũ Trường G thừa nhận còn nợ số tiền gốc của ông S là 215.740.000 đồng và tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị D cũng thừa nhận còn thiếu nợ gốc và lãi của ông S là 268.000.000 đồng và đã trả cho ông S được 70.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng bà chỉ còn nợ lại ông S số tiền là 198.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê ThAh S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi, ông S chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông số tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ gốc là 198.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông S là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên bán là ông S đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông G và bà D đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán…"*.

Đồng thời, tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thAh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng…3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông Lê ThAh S yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông S số tiền mua bán còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà Nguyễn Thị D đều thừa nhận có nợ số tiền gốc nêu trên và đồng ý trả số tiền nợ gốc là 198.000.000 đồng cho ông S. Tuy nhiên hiện nay vì hoàn cảnh gia đình bà hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần nên yêu cầu xin được trả dần số tiền này, cụ thể hàng tháng có bao nhiêu tiền thì trả bấy nhiêu cho ông S cho đến khi trả xong số nợ này.

Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TADTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn không đồng ý cho bà D được trả dần. Do đó HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ kinh doAh Lê ThAh S.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho hộ kinh doAh Lê ThAh S do ông Lê ThAh S làm chủ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 198.000.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời giA chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc và tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.900.000 đồng (Chín triệu, chín trăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lê ThAh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.640.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007944 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn A